

ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN NĂM CUỐI VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH NĂM 2019

Lê Xuân Hưng

Phòng Quản lí khoa học, Bộ môn Y Vật lí, Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Tóm tắt. Nghiên cứu được tiến hành qua cuộc điều tra cắt ngang trên 829 sinh viên năm cuối về hoạt động đào tạo tại trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2018 – 2019. Kết quả cho thấy: sinh viên đánh giá ở mức độ hài lòng 15 trên 18 câu hỏi mà nghiên cứu đã đưa ra. Từ đó, tác giả khuyến nghị cải thiện môi trường học tập và nâng cao hiệu quả hoạt động tự vấn học tập nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo tại Nhà trường.

Từ khóa: Đánh giá, phản hồi, hoạt động đào tạo.

1. Mở đầu

Hoạt động đào tạo trong các cơ sở giáo dục được cấu thành bởi các yếu tố: mục tiêu, chương trình, phương pháp, người học, người dạy và cơ sở vật chất. Đánh giá hoạt động đào tạo là xác định giá trị các yếu tố của nhiệm vụ trọng tâm trong các nhà trường nói chung và của các Trường, Học viện nói riêng. Trên thế giới, việc sinh viên đánh giá các lĩnh vực hoạt động đào tạo của nhà trường đã được tiến hành từ rất lâu. Đây là hình thức được sử dụng phổ biến và thường xuyên trong giáo dục đại học ở Hoa Kỳ, Châu Âu, Úc và các nước Châu Á như Nhật Bản, Xin-ga-po, Thái Lan... Các tác giả cũng nhận định rằng, cần có sự đánh giá của sinh viên về hoạt động đào tạo trong cơ sở giáo dục, như: chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công tác phục vụ... nhằm góp phần nâng cao chất lượng trong các cơ sở giáo dục [1, 2]. Năm 2017, Sandeep K.G. thực hiện nghiên cứu dựa trên ý kiến phản hồi từ sinh viên để đánh giá các ảnh hưởng trong quá trình dạy và học đã đưa ra các khía cạnh: học tập, sự nhiệt tình, cách tổ chức, tương tác nhóm, mối quan hệ giữa các cá nhân, tài liệu, các bài kiểm tra/xếp loại, bài tập và khối lượng nội dung [2].

Hiện nay, công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học đã được hình thành và triển khai hoạt động ở Việt Nam. Thông qua các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được ban hành làm công cụ để trường đại học tự đánh giá nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo; để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; để người học có cơ sở lựa chọn trường và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực [3, 4]. Một số trường đại học của Việt Nam đã quan tâm đến công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng từ khá sớm, đặc biệt trong những năm gần đây nhiều trường đã chú trọng đầu tư cả nhân lực, vật lực cho các hoạt động này và đang dần hình thành “văn hóa kiểm định” [5, 6]. Và đến hết năm 2019, đã có 141 cơ sở giáo dục được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục [7].

Ngày nhận bài: 11/11/2019. Ngày sửa bài: 17/12/2019. Ngày nhận đăng: 2/1/2020.

Tác giả liên hệ: Lê Xuân Hưng. Địa chỉ e-mail: hunglx@tbump.edu.vn

Trường Đại học Y Dược Thái Bình được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục vào năm 2018, công tác khảo sát ý kiến của người học nói chung và của sinh viên năm cuối nói riêng là một kênh thông tin quan trọng trong hệ thống thông tin phản hồi về kết quả đào tạo của Nhà trường [8]. Những kết quả phân tích đánh giá từ phản hồi của sinh viên năm cuối sẽ giúp cho Nhà trường đưa ra các giải pháp kịp thời nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy và phục vụ sinh viên.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên năm cuối của 6 mã ngành đào tạo: Y đa khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Y tế công cộng, Điều dưỡng và Dược tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm học 2018-2019. Tiêu chuẩn loại trừ đối tượng nghiên cứu: Sinh viên hệ liên thông, sinh viên hệ vừa học vừa làm; Lưu học sinh; Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 4/2019 đến tháng 5/2019.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang.

- Cỡ mẫu được tính theo công thức: $n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \cdot \frac{p(1-p)}{d^2}$

Trong đó: với độ tin cậy $\alpha=95\%$ thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; $d = 0,04$ - là độ chính xác tương đối; lấy $p = 0,5$ để đạt cỡ mẫu lớn nhất.

Thay vào công thức tính được cỡ mẫu tối thiểu cần lấy là 601 đối tượng nghiên cứu. Thực tế nghiên cứu thu nhận được **829** phiếu đạt yêu cầu để đưa vào phân tích kết quả, đặc điểm của mẫu nghiên cứu được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n= 829)

Đặc điểm	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Ngành đào tạo		
Y đa khoa	529	63,8
Y học cổ truyền	37	4,4
Y học dự phòng	77	9,3
Y tế công cộng	34	4,1
Điều dưỡng	91	11,0
Dược	61	7,4
Giới		
Nam	268	32,3
Nữ	561	67,7
Dân tộc		
Kinh	717	86,5
Thiểu số	112	13,5

- Dựa trên bộ chỉ báo đánh giá hoạt động đào tạo trong các cơ sở giáo dục [3,4], các nghiên cứu tương tự và điều kiện của Trường Đại học Y Dược Thái Bình, nhóm nghiên cứu xây dựng bộ câu hỏi khảo sát gồm 18 biến thuộc 5 nhóm liên quan đến hoạt động đào tạo chính của Nhà trường, nội dung cụ thể được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Nội dung khảo sát sinh viên năm cuối về hoạt động đào tạo

TT	Biến đo lường	Nội dung
Chương trình đào tạo		
1	Chương trình đào tạo có chuẩn đầu ra rõ ràng	Mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra chi tiết và thông báo đầy đủ cho sinh viên
2	Các học phần phù hợp với chương trình đào tạo	Các học phần thuộc chương trình đào tạo được sắp xếp logic và phù hợp với chương trình đào tạo
3	Cấu trúc Chương trình đào tạo linh hoạt và tạo điều kiện cho sinh viên	Cấu trúc Chương trình đào tạo linh hoạt và tạo điều kiện cho sinh viên lựa chọn học phần phù hợp
Công tác kiểm tra, lượng giá học phần		
4	Phương pháp lượng giá	Phương pháp kiểm tra, lượng giá học phần đa dạng, khách quan, chính xác và công bằng
5	Quy định lượng giá rõ ràng	Các quy định về lượng giá kết quả học tập rõ ràng và được thông báo công khai tới người học
6	Thông báo kết quả học tập	Kết quả học tập được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập
7	Công tác khiếu nại	Người học dễ dàng tiếp cận với quá trình khiếu nại kết quả học tập
Giảng viên và phương pháp giảng dạy		
8	Kế hoạch giảng dạy	Giảng viên thực hiện nghiêm túc thời gian, kế hoạch giảng dạy
9	Phương pháp giảng dạy	Giảng viên có phương pháp truyền đạt dễ hiểu
10	Tích cực hóa người học	Giảng viên khuyến khích người học tham gia tích cực vào quá trình dạy học
Cơ sở vật chất, trang thiết bị		
11	Trang thiết bị phục vụ đào tạo	Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị phục vụ đào tạo
12	Thư viện	Thư viện trường có đầy đủ sách, giáo trình tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu người học
13	Giảng đường, labo, giao ban	Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng giao ban đáp ứng nhu cầu người học
14	Công nghệ thông tin	Hệ thống máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu người học
Môi trường học tập, chuẩn kiến thức, thái độ, kỹ năng sinh viên đạt được sau quá trình học tập		
15	Tư vấn học tập	Người học được tư vấn, hướng dẫn phương pháp học tập tích cực
16	Môi trường học tập	Người học được cung cấp môi trường học tập, sinh hoạt an toàn, lành mạnh

17	Kỹ năng học tập	Các hoạt động dạy và học đã thúc đẩy rèn luyện và hiểu kỹ năng học tập của người học
18	Chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp	Sinh viên tự đánh giá mức độ đạt chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp sau quá trình học tập tại trường

- Sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để đánh giá các câu hỏi khảo sát hoạt động đào tạo, từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “đồng ý”, Với mức điểm cao nhất là 5 điểm, thấp nhất là 1 điểm.
 Giá trị khoảng cách = (Maximum – Minimum)/n = (5-1)/5 = 0,8

Ý nghĩa các mức như sau:

1,00 – 1,80: Hoàn toàn không đồng ý / Hoàn toàn không hài lòng

1,81 – 2,60: Không đồng ý một phần / Không hài lòng

2,61 – 3,40: Bình thường / Trung bình

3,41 – 4,20: Đồng ý / Hài lòng

4,21 – 5,00: Hoàn toàn đồng ý / Rất hài lòng

- Nghiên cứu sơ bộ: Chọn ngẫu nhiên 10 sinh viên phỏng vấn dựa trên bảng hỏi đã được chuẩn bị trước.

- Hoàn thiện phiếu điều tra: Từ những thông tin trong quá trình nghiên cứu sơ bộ, phiếu điều tra được chỉnh sửa cho phù hợp và hoàn chỉnh hơn.

- Phương pháp thu thập thông tin: Mỗi đối tượng điều tra được phát 01 bộ phiếu hỏi tự điền. Cán bộ điều tra khi phát phiếu sẽ giải thích về mục đích của nghiên cứu và hướng dẫn đối tượng điều tra cách điền phiếu. Các đối tượng điều tra điền đầy đủ thông tin vào bộ phiếu điều tra.

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Làm sạch số liệu để hạn chế lỗi sau điều tra và nhập số liệu. Nhập số liệu bằng phần mềm Epi Data 3.1, sau đó số liệu được chuyển sang Stata 12.0 để phân tích.

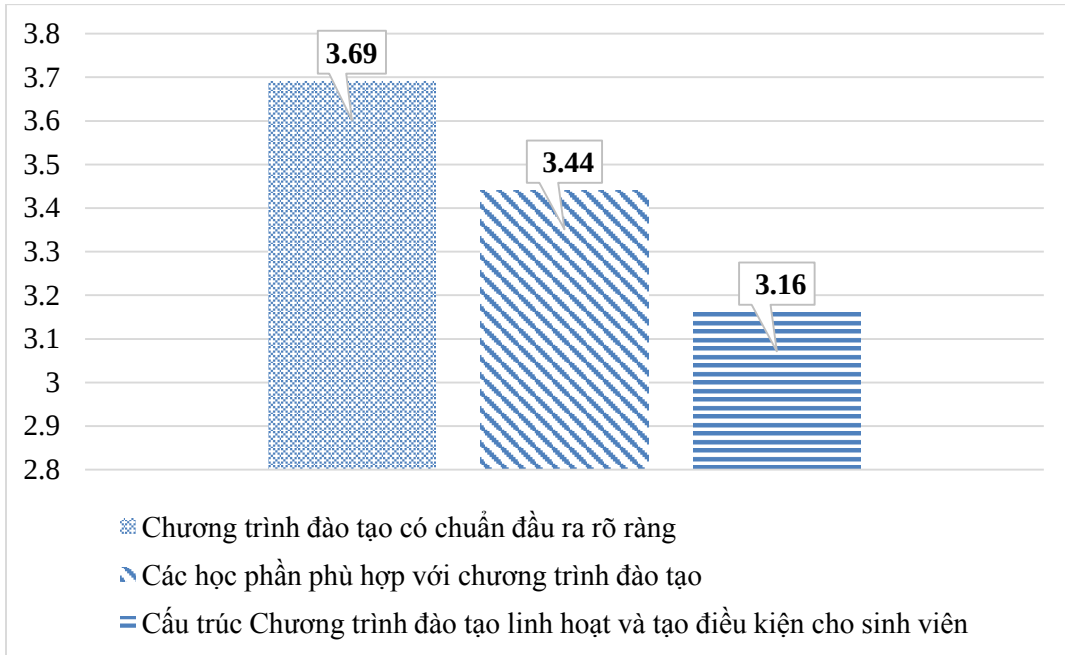
2.4. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu

- Sự tham gia của tất cả các đối tượng vào nghiên cứu hoàn toàn mang tính tự nguyện và mọi thông tin về đối tượng nghiên cứu được giữ bí mật.

- Các dữ liệu, thông tin thu thập trong các báo cáo được cam kết dùng cho mục đích nghiên cứu mà không phục vụ cho bất kỳ một mục đích nào khác.

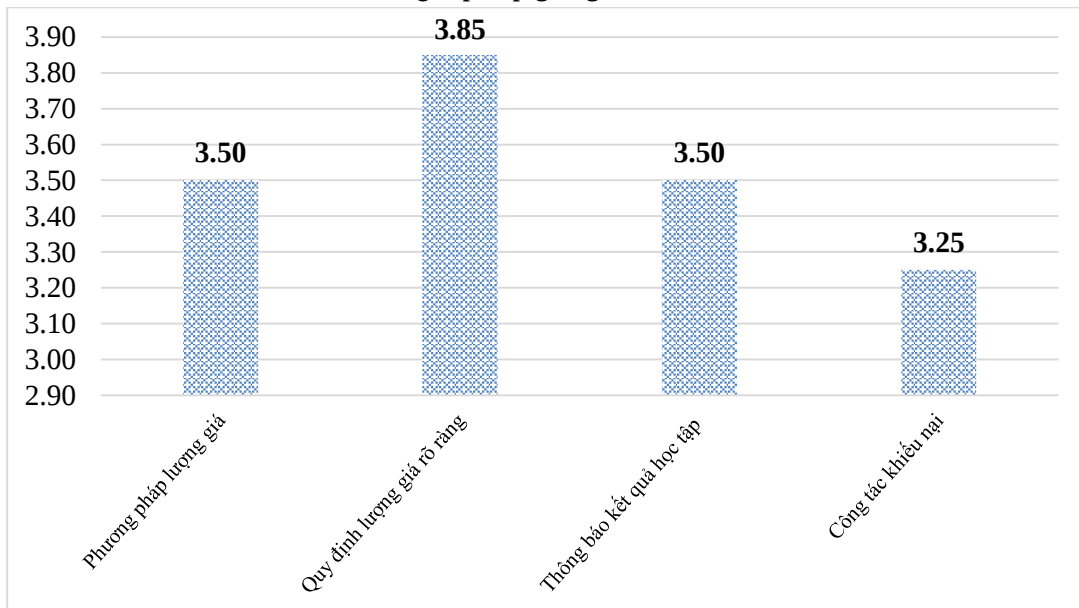
2.5. Kết quả nghiên cứu

Kết quả tại Biểu đồ 1 cho thấy, khi lấy ý kiến đánh giá của sinh viên năm cuối đối với mục tiêu, nội dung và các học phần của chương trình đào tạo, người học đánh giá ở mức độ hài lòng với: “Chương trình đào tạo có chuẩn đầu ra rõ ràng” (Mean: 3,69 ± 0,81), “Các học phần phù hợp với chương trình đào tạo” (Mean: 3,44 ± 0,79). Sinh viên đánh giá ở mức độ trung bình với nội dung “Cấu trúc Chương trình đào tạo linh hoạt và tạo điều kiện cho sinh viên” (Mean: 3,16 ± 0,71). So sánh với kết quả nghiên cứu trên sinh viên năm thứ nhất ngành y khoa đang được đào tạo theo dự án “Giáo dục và Đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế” (HPET-Health Professionals Education and Training for Health System Reforms Project) thì có thể thấy rằng sinh viên năm cuối sẽ có cái nhìn tổng thể, khách quan và chính xác hơn khi đánh giá về chương trình đào tạo [8].



Biểu đồ 1. Mức độ đánh giá của sinh viên đối các nội dung, mục tiêu và các học phần của chương trình đào tạo

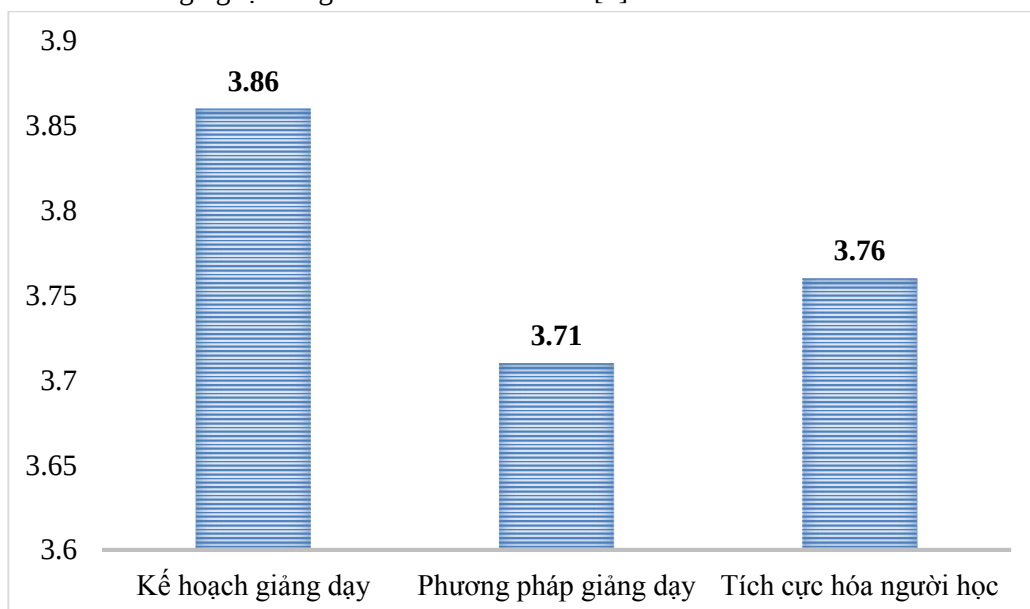
Kết quả tại Biểu đồ 2 cho thấy sinh viên hài lòng với 03 tiêu chí: “Phương pháp lượng giá” (Mean: $3,50 \pm 0,78$); “Quy định lượng giá rõ ràng” (Mean: $3,85 \pm 0,75$) và “Thông báo kết quả học tập” (Mean: $3,50 \pm 0,70$). Trên thực tế, Nhà trường áp dụng nhiều hình thức kiểm tra, lượng giá. Tùy thời điểm trong năm và tùy theo tính chất học phần, gồm có kiểm tra giữa học phần, thi thực hành, thi lý thuyết hết học phần. Thi lý thuyết có thể áp dụng thi trắc nghiệm hoặc thi viết tự luận. Với thi trắc nghiệm trên máy, kết quả thi được báo ngay sau khi hoàn thành bài thi. Với các bài thi viết tự luận, các Bộ môn cũng sắp xếp giảng viên chấm bài theo kế hoạch.



Biểu đồ 2. Mức độ đánh giá của sinh viên đối với công tác kiểm tra, lượng giá, quy trình khiếu nại kết quả học tập của Nhà trường

Tuy nhiên, sinh viên đánh giá ở mức độ trung bình khi được hỏi về sự dễ dàng tiếp cận với quá trình khiếu nại kết quả học tập (Mean: $3,25 \pm 0,72$). Hiện nay, Nhà trường chưa áp dụng quy trình phúc khảo bài thi với thi hết học phần lí thuyết, do lưu lượng sinh viên thi nhiều, mỗi tuần có hơn 1000 lượt sinh viên dự thi, số lượng cán bộ chấm thi của một số Bộ môn ở một số thời điểm còn ít. Tuy nhiên khi có đơn xin phúc khảo bài thi, Nhà trường đều có xem xét lại thông qua Ban Thanh tra giáo dục và giảng viên của Bộ môn chấm thi, bài thi sẽ được xem lại và phản hồi lại cho sinh viên. Theo kế hoạch của Ban Thanh tra giáo dục Nhà trường, thì từ năm học 2019 – 2020, hàng tuần cán bộ của Ban sẽ kết hợp với phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục sẽ rút ngẫu nhiên một số bài thi viết thuộc các học phần khác nhau để chấm kiểm tra nhằm đảm bảo tính khách quan trong công tác khảo thí.

Từ kết quả tại Biểu đồ 3 chúng ta nhận thấy rằng sinh viên trước khi tốt nghiệp hài lòng đối với các tiêu chí đánh giá về giảng viên và phương pháp giảng dạy. Kết quả cũng tương tự với nghiên cứu của Lê Xuân Hưng trên đối tượng sinh viên y khoa năm thứ nhất trường Đại học Y Dược Thái Bình, khi sinh viên năm thứ nhất đánh giá về đội ngũ giảng viên ở độ hài lòng với điểm trung bình chung của nhóm nhân tố là 2,57 trên thang điểm 4,0 [8]. Điều này càng chứng tỏ rằng giảng viên là nhân tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục, là nguồn đào tạo nhân lực y tế có khả năng hiện thực hóa mọi kế hoạch cho tương lai, đặc biệt trong thế kỉ tới được xem là thế kỉ của công nghệ thông tin và kinh tế tri thức [9].

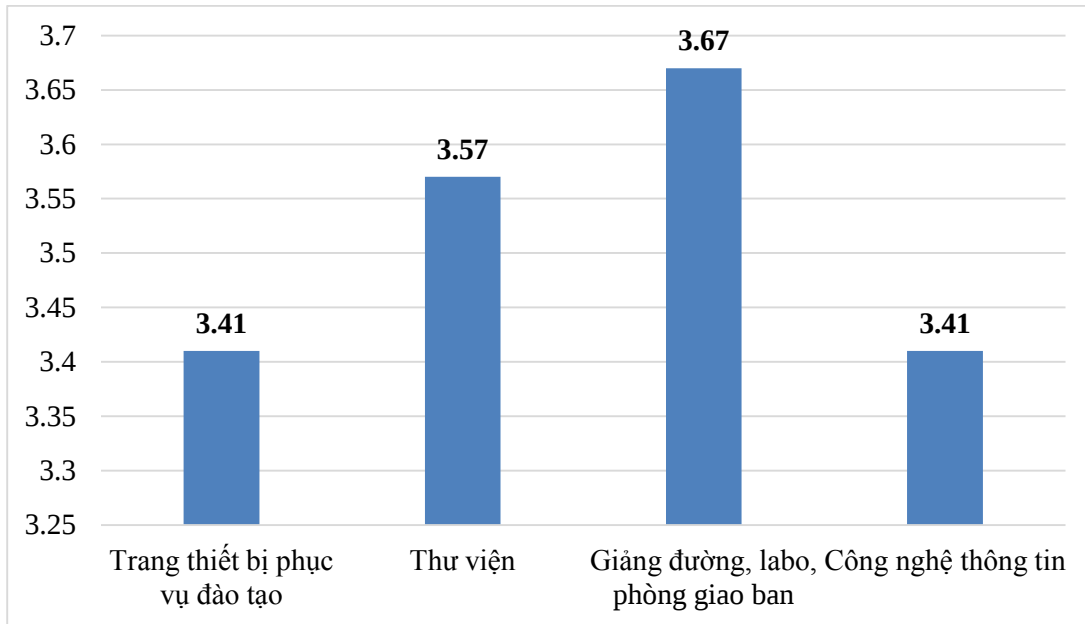


Bảng 3. Mức độ đánh giá của sinh viên đối với giảng viên và phương pháp giảng dạy

Kết quả tại Biểu đồ 4, cho thấy sinh viên trước khi tốt nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng khi được hỏi về tiêu chí cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường, nhưng có điểm đánh giá chưa cao thuộc mức độ hài lòng đặc biệt các sinh viên trước khi tốt nghiệp đều đánh giá tiêu chí “Trang thiết bị phục vụ đào tạo” và hạ tầng “Công nghệ thông tin” với điểm trung bình 3,41.

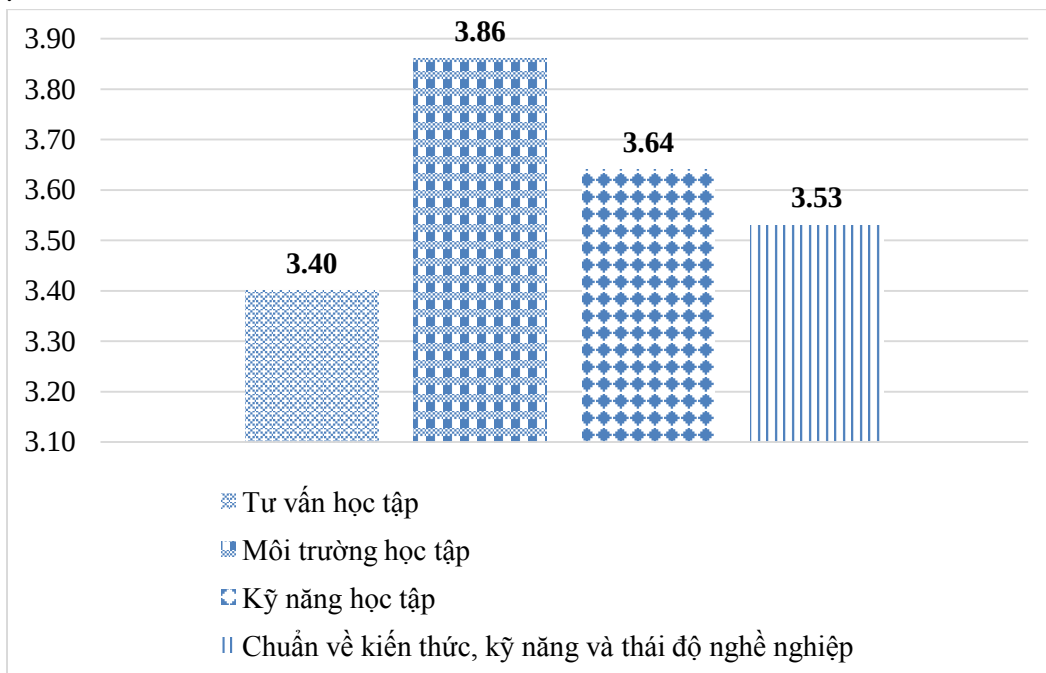
Hiện nay, Thư viện của Nhà trường đã số hóa hàng nghìn tài liệu số gồm sách giáo trình, luận văn, luận án và các loại tạp chí. Rất nhiều đầu sách, bản sách, các tạp chí chuyên ngành tiếng Việt được bổ sung thường xuyên. Trường hiện có tổng số 88 phòng học, giảng đường lớn, nhỏ phục vụ các hệ đào tạo đại học và sau đại học. Nhà trường có 60 phòng thực hành, phòng thí nghiệm với thiết kế đảm bảo an toàn, thuận tiện sử dụng, đảm bảo vệ sinh môi trường. Các trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất, mô hình, máy móc, thiết bị học cụ y, dược, quạt điện, ánh sáng,

máy chiếu, bảng, phấn, hệ thống điện, nước... được trang bị nhiều để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo của Nhà trường.



Biểu đồ 4. Mức độ đánh giá của sinh viên đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường

Kết quả từ ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về môi trường học tập, tự đánh giá về chuẩn kiến thức, thái độ, kỹ năng của bản thân đạt được sau quá trình học tập tại trường được thể hiện tại Biểu đồ 5.



Biểu đồ 5. Mức độ đánh giá của sinh viên đối với môi trường học tập, chuẩn kiến thức, thái độ, kỹ năng đạt được sau quá trình học tập tại trường

Sinh viên cho rằng họ đã được cung cấp môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, lành mạnh và tự đánh giá đạt được chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp so với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Tuy nhiên, đối với câu hỏi về “hoạt động tư vấn học tập, hướng dẫn phương pháp học tập tích cực” sinh viên đánh giá ở mức độ trung bình (Mean: $3,40 \pm 0,76$) nhưng đây cũng là điểm cận trên của mức độ trung bình. Do đó Nhà trường nên có những phương hướng, biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tư vấn học tập cũng như cải thiện môi trường học tập. Môi trường đào tạo là tất cả các điều kiện về vật chất và tinh thần có ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục, học tập, rèn luyện và phát triển của người học. Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện là môi trường giáo dục mà người học được bảo vệ, không bị tổn hại về thể chất và tinh thần; không có tệ nạn xã hội, không bạo lực; người học, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên có lối sống lành mạnh, ứng xử văn hóa; người học được tôn trọng, đối xử công bằng, bình đẳng và nhân ái; được phát huy dân chủ và tạo điều kiện để phát triển phẩm chất và năng lực [10].

3. Kết luận

Qua phân tích kết quả nghiên cứu từ 829 ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về hoạt động đào tạo tại trường Đại học Y Dược Thái Bình, năm 2019, chúng tôi đưa ra một số kết luận sau:

- Về chương trình đào tạo: sinh viên hài lòng với “Chương trình đào tạo có chuẩn đầu ra rõ ràng” (Mean: $3,69 \pm 0,81$), “Các học phần phù hợp với chương trình đào tạo” (Mean: $3,44 \pm 0,79$).
- Về công tác kiểm tra, lượng giá học phần, sinh viên hài lòng với 03 tiêu chí: “Phương pháp lượng giá” (Mean: $3,50 \pm 0,78$); “Quy định lượng giá rõ ràng” (Mean: $3,85 \pm 0,75$) và “Thông báo kết quả học tập” (Mean: $3,50 \pm 0,70$).
- Sinh viên năm cuối hài lòng đối với các tiêu chí đánh giá về giảng viên và phương pháp giảng dạy: “Kế hoạch giảng dạy” (Mean: $3,86 \pm 0,68$), “Phương pháp giảng dạy” (Mean: $3,71 \pm 0,64$), và “Giảng viên tích cực hóa người học” (Mean: $3,76 \pm 0,72$).
- Sinh viên trước khi tốt nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng khi được hỏi về tiêu chí cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường.
- Sinh viên đánh giá hài lòng về môi trường học tập, tự đánh giá đạt chuẩn về kiến thức, thái độ, kỹ năng sau quá trình học tập trước khi tốt nghiệp.

Nghiên cứu được thực hiện bởi cuộc khảo sát cắt ngang trên sinh viên tại một thời điểm và thuộc nhiều ngành học nên kết quả thu được còn nhiều hạn chế, do đó, cần thực mở rộng nghiên cứu trên nhiều đối tượng và các khóa học khác nhau để tìm hiểu thêm các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tại trường Đại học Y Dược Thái Bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị Minh Đức, 2016. *Giáo trình tham vấn tâm lý*. Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội
- [2] Amy JP, Lisa H, Ann MB, Jacob P, 2016. *A Randomized Crossover Design to Assess Learning Impact and Student Preference for Active and Passive Online Learning Modules*, Med Sci Educ. 2016; 26: pp. 135–141.
- [3] Sandeep KG, Naveen K, Dinesh B, Ankit K, Tejinder S, 2017. Feedback of students to aligned teaching-learning and assessment. *Indian J Psychiatry*, Oct-Dec; 59(4): pp. 516–517.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hà Nội.

- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, ban hành kèm theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hà Nội.
- [6] Nguyễn Hữu Cương, 2018. Các yếu tố thuận lợi và khó khăn khi triển khai kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2017-2020. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Tập 63, Số 2, tr. 17-26.
- [7] Trần Ngọc Bích, Nguyễn Vinh Quang, 2018. Kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Hoa Kỳ và những bài học đổi mới ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Tập 63, Số 2, tr. 17-26.
- [8] Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019. Danh sách các cơ sở giáo dục được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (cập nhật đến ngày 31/12/2019). Hà Nội.
- [9] Lê Xuân Hưng, Bùi Thị Thanh Huyền, 2019. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên ngành y khoa năm thứ nhất đối với hoạt động đào tạo tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Thái Nguyên, Tập 206, Số 13, tr. 101–107.
- [10] Võ Văn Việt, 2017. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ đào tạo: một nghiên cứu từ cựu sinh viên Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, 14 (4): tr. 171-182.
- [11] Lại Xuân Thủy, Phan Thị Minh Lí, 2011. Đánh giá chất lượng đào tạo tại khoa kế toán tài chính, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế trên quan điểm của người học, *Tạp chí Khoa học và công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, 3 (44), tr. 230-237.

ABSTRACT

Assessment of final-year students on training activities at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy in 2019

Le Xuan Hung

*Department of Scientific Management, Department of Health and Physics
Thai Binh University of Medicine and Pharmacy*

The study was conducted through a cross-sectional survey of 829 final-year students on training activities at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy, academic year 2018 - 2019. The results showed that: Students rated at a satisfaction level of 15 out of 18 questions they were asked. With the findings, the author recommends to improve the learning environment and the effectiveness of academic advising activities to get higher quality of training at the University.

Keywords: Assessment, feedback, training activities.